TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-DS	*Thuận Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Từ N, sinh năm 1938.

Địa chỉ: thôn Thành T, xã Phước H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 9 đường Huỳnh Phước, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở: thôn Tam Lang - Phước Lập, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Lương Đình Thành, chức vụ: Giám đốc.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Từ Tấn Đ, sinh năm 1978
2. Chị Từ Thị Bích T, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: thôn Thành T, xã Phước H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Từ Tấn Đạt và chị Từ Thị Bích Trâm: chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 9 đường Huỳnh Phước, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Từ N và Công ty A xác nhận có thỏa thuận và đồng ý ký kết Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021. Ông Từ N xác nhận có nhận tiền cọc của Công ty A theo Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021, số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ông Từ N đồng ý trả lại cho Công ty A tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt

cọc ngày 07/11/2021, số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Công ty A đồng ý nhận lại tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021, số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) từ ông Từ N. Vì vậy, ông Từ N và Công ty A cùng thống nhất, ông Từ N có trách nhiệm trả lại cho Công ty A tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021, số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ông Từ N và Công ty A cùng thống nhất đồng ý chấm dứt Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021 và cam kết không tranh chấp Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021 này nữa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Do ông Từ N là người cao tuổi nên căn cứ Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Từ N được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

- Công ty A phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với thỏa thuận cùng chấm dứt hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tâm